

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Phòng Văn hóa - Xã hội xã Vân Đình
- Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Mua sắm trang thiết bị máy tính, máy in, máy Scan cho các thôn trên địa bàn Xã Vân Đình
- Dự toán: Mua sắm trang thiết bị máy tính, máy in, máy Scan cho các thôn trên địa bàn Xã Vân Đình;
- Nguồn vốn: NSNN năm 2025
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2025
- Thời gian thực hiện gói thầu: 20 ngày
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Địa điểm thực hiện: Triển khai theo yêu cầu của chủ đầu tư, cụ thể như sau:

STT	Đơn vị nhận	Địa chỉ	Số lượng		
			Bộ máy tính	Máy in	Máy scan
1	Thôn Đông Dương	NVH Thôn Đông Dương xã Vân Đình	1	1	1
2	Thôn Văn Ông	NVH Thôn Văn Ông xã Vân Đình	1	1	1
3	Thôn Văn Cao	NVH Thôn Văn Cao xã Vân Đình	1	1	1
4	Thôn Tảo Khê	NVH Thôn Tảo Khê xã Vân Đình	1	1	1
5	Thôn Hậu Xá	NVH Thôn Hậu Xá xã Vân Đình	1	1	1
6	Thôn Dương Khê	NVH Thôn Dương Khê xã Vân Đình	1	1	1
7	Thôn Nguyễn Xá	NVH Thôn Nguyễn Xá xã Vân Đình	1	1	1

8	Thôn Động Phí	NVH Thôn Động Phí xã Vân Đình	1	1	1
9	Thôn Phí Trạch	NVH Thôn Phí Trạch xã Vân Đình	1	1	1
10	Thôn Ngọc Động	NVH Thôn Ngọc Động xã Vân Đình	1	1	1
11	Thôn Vân Đình	NVH Thôn Vân Đình xã Vân Đình	1	1	1
12	Thôn Ngộ Xá	NVH Thôn Ngộ Xá xã Vân Đình	1	1	1
13	Thôn Thanh Ấm	NVH Thôn Thanh Ấm xã Vân Đình	1	1	1
14	Thôn Hoàng Xá	NVH Thôn Hoàng Xá xã Vân Đình	1	1	1
15	Thôn Quang Trung	NVH Thôn Quang Trung xã Vân Đình	1	1	1
16	Thôn Nguyễn Thượng Hiền	NVH Thôn Nguyễn Thượng Hiền xã Vân Đình	1	1	1
17	Thôn Trần Đăng Ninh	NVH Thôn Trần Đăng Ninh xã Vân Đình	1	1	1
18	Thôn Hoàng Văn Thụ	NVH Thôn Hoàng Văn Thụ xã Vân Đình	1	1	1
19	Thôn Lê Lợi	NVH Thôn Lê Lợi xã Vân Đình	1	1	1
20	Thôn Cao Lãm	NVH Thôn Cao Lãm xã Vân Đình	1	1	1
21	Thôn Tử Dương	NVH Thôn Tử Dương xã Vân Đình	1	1	1
22	Thôn Hoàng Dương	NVH Thôn Hoàng Dương xã Vân Đình	1	1	1
23	Thôn Nghi Lộc	NVH Thôn Nghi Lộc xã Vân Đình	1	1	1
24	Thôn Vĩnh Hạ	NVH Thôn Vĩnh Hạ xã Vân Đình	1	1	1
25	Thôn Vĩnh Thượng	NVH Thôn Vĩnh Thượng xã Vân Đình	1	1	1
26	Thôn Đoàn Xá	NVH Thôn Đoàn Xá xã Vân Đình	1	1	1
27	Thôn Thành Vật	NVH Thôn Thành Vật xã Vân Đình	1	1	1
28	Thôn Giang Soi	NVH Thôn Giang Soi xã Vân Đình	1	1	1
29	Thôn Giang Đường	NVH Thôn Giang Đường xã Vân Đình	1	1	1
30	Thôn Giang Làng	NVH Thôn Giang Làng xã Vân Đình	1	1	1

Tổng cộng		30	30	30
------------------	--	-----------	-----------	-----------

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu kỹ thuật chung:

- Cam kết hàng hóa chính hãng, mới 100% sản xuất 2024 trở về sau và đáp ứng yêu cầu tại phần b) Yêu cầu kỹ thuật cụ thể.
- Cam kết có mặt xử lý sự cố trong vòng 24 giờ khi được thông báo của Chủ đầu tư (Cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh).
- Thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng và đáp ứng quy định chi tiết trong E-HSMT nhưng không ít hơn 12 tháng.
- Đối với hàng hóa nhập khẩu: Nhà thầu phải cam kết cung cấp đầy đủ các chứng từ nhập khẩu bao gồm: Giấy chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ), khi giao hàng.
- Cung cấp Bảng Đáp ứng thông số kỹ thuật của hàng hoá chào thầu: mô tả chi tiết thông số kỹ thuật, xuất xứ, ký mã hiệu, hãng sản xuất phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V của E-HSMT (tham chiếu cụ thể đến số trang trong tài liệu kỹ thuật của E-HSMT) và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V của E-HSMT.
- Nhà thầu cung cấp đầy đủ Catalogue của nhà sản xuất hoặc địa chỉ website của nhà sản xuất thể hiện đầy đủ thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu. Trường hợp Catalogue hoặc thông số kỹ thuật trên website của nhà sản xuất không thể hiện đầy đủ thông số kỹ thuật của hàng hóa thì nhà thầu phải cung cấp bảng xác nhận thông số kỹ thuật của nhà sản xuất hoặc nhà phân phối hợp pháp tại Việt Nam đối với hàng hóa đó.
- Đối với những hàng hóa đã được nhà sản xuất công bố thông số kỹ thuật công khai trên Website, bên mời thầu có thể lấy đó làm căn cứ để đối chiếu với thông số kỹ thuật và tài liệu của nhà thầu cung cấp, tránh trường hợp nhà thầu cung cấp thông tin sai lệch làm ảnh hưởng tới kết quả lựa chọn nhà thầu. Trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu cố tình cung cấp tài liệu, thông tin sai lệch có thể ảnh hưởng tới kết quả lựa chọn nhà thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu.

(Ghi chú: Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải nhà thầu phải cung cấp kèm bản dịch sang tiếng Việt)

- Cam kết trong thời gian bảo hành nếu thiết bị hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất nhưng không khắc phục sự cố được thì Nhà thầu phải thay mới 100%.
- Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp hàng hóa đã giao nhưng không đảm

bảo chất lượng, hoặc khi sử dụng không đạt yêu cầu chuyên môn mà nguyên nhân không phải do lỗi bên mời thầu.

b) Yêu cầu kỹ thuật cụ thể:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Bảo hành	Số lượng	ĐVT
1	Bộ máy tính để bàn	Vỏ Case Chất liệu: SPCC Black coating Hỗ trợ main board: MicroATX MiniATX Cổng I/O: 2xUSB 2.0+Audio Hỗ trợ ổ cứng: HDDx2/SSDx3/CDx1/Slotsx3 Hỗ trợ bộ nguồn: Standard ATX PSU/PS3" Nguồn công suất thực 300W Wide Voltage: 180-264V~ Complies with ATX12V 2.31 Supports Intel and AMD Supports Core Graphics Multiple Protections: OVP, SCP, OPP 100% Hi-pot Test 100% Burn-in Test High Efficiency and High Reliability Cooling Fan: 12cm silent fan CPU Connector: 4P Hard Desk Interface: 2SATA, 2HDD Mainboard H610M H V3 DDR4 (Intel H610/ Socket 1700/ 2 khe ram) Chipset Intel H610 Socket Intel LGA 1700 Kích thước Main M-ATX Hỗ trợ CPU LGA1700 socket: Support for the 14th, 13th, and 12th Generation Intel® Core™, Pentium® Gold and Celeron® Processors Khe cắm RAM 2 khe ram Loại RAM DDR4 Bus RAM hỗ trợ Support for DDR4 3200/3000/2933/2666/2400/2133 MT/s memory modules 2 x DDR4 DIMM sockets supporting up to 64 GB (32 GB single DIMM capacity) of system memory Dual channel memory architecture Support for ECC Un-buffered DIMM 1Rx8/2Rx8 memory modules (operate in non-ECC mode)	12 tháng	30	Bộ

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Bảo hành	Số lượng	ĐVT
		Support for non-ECC Un-buffered DIMM 1Rx8/2Rx8/1Rx16 memory modules Support for Extreme Memory Profile (XMP) memory modules (The CPU and memory configuration may affect the supported memory types, data rate (speed), and number of DRAM modules) Chi tiết VGA Integrated Graphics Processor- Intel® HD Graphics support: - 1 x D-Sub port, supporting a maximum resolution of 1920x1200@60 Hz - 1 x HDMI port, supporting a maximum resolution of 4096x2160@60 Hz Kết nối mạng 1Gb Ethernet Thông số (Lan/Wireless) Intel GbE LAN chip (1 Gbps/100 Mbps) Khe cắm trong 1 x M.2 connector (Socket 3, M key, type 2280/2260 PCIe 3.0 x4/x2 SSD support) 4 x SATA 6Gb/s connectors Khe cắm mở rộng 1 x PCI Express x16 slot, running at x16 1 x PCI Express x1 slot Cổng giao tiếp ngoài 1 x PS/2 keyboard/mouse port 1 x D-Sub port 1 x HDMI port 2 x USB 3.2 Gen 1 ports 4 x USB 2.0/1.1 ports 1 x RJ-45 port 3 x audio jacks Âm thanh Realtek Audio CODEC High Definition Audio 2/4/5.1/7.1-channel hoặc tương đương			
		Chip vi xử lý Core i5 12400 2.5Ghz 18M hoặc cao hơn Bộ vi xử lý SocketThuật in thạch bản: Intel 7 (10nm) Số lõi: 6 / Số luồng: 12 Tần số turbo tối đa: 4.4 GHz Tần số cơ sở: 2.5 GHz Bộ nhớ đệm: 18 MB Intel® Smart Cache (Tổng bộ nhớ đệm L2: 7.5 MB) Công suất cơ bản của bộ xử lý: 65 W (Công suất turbo Tối đa: 117 W)			

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Bảo hành	Số lượng	ĐVT
		Dung lượng bộ nhớ tối đa : 128 GB Các loại bộ nhớ (tùy vào bo mạch chủ) : DDR4 và DDR5 Hỗ trợ socket: FCLGA1700 Bo mạch đề nghị: H610 hoặc B660 trở lên Yêu cầu VGA: Không Bộ nhớ trong DDR4 -16GB Dung lượng RAM: 16GB hoặc cao hơn Bus ram: 3200 Mhz hoặc cao hơn Đèn Led: Không LED Tản nhiệt: Không Tự động sửa lỗi: Non-ECC Hiệu điện thế: 1.2V Ổ cứng SSD 512G Giao diện: NVME Rev.1.3 NAND Flash: 3D NAND Kiểu dáng: M.2,PCI-e Gen3 x4 Điện áp đầu vào: DC 3.3V Đọc tuần tự 1600~3500MB/giây Ghi tuần tự 600~3200MB/giây MTBF: 1 triệu giờ TBW: 500TB Kích thước: L80.0mm*W22.0mm*H2.1mm Nhiệt độ lưu trữ: -20°Cđến+75°C Nhiệt độ hoạt động: 0°C--+70°C Màn hình 21.5 inch Kiểu dáng màn hình: Phẳng Tỷ lệ khung hình: 16:9 Kích thước mặc định: 21.5 inch Công nghệ tấm nền: VA Phân giải điểm ảnh: FHD - 1920 x 1080 Độ sáng hiển thị: 250 cd/m2 (typical) Tần số quét màn: 100 Hz Thời gian đáp ứng:5ms GTG (Fast), 8ms GTG Chỉ số màu sắc: 16.7 triệu màu - 72% NTSC (CIE 1931) Hỗ trợ tiêu chuẩn: VESA (100 mm x 100 mm) Cổng cắm kết nối: 1x VGA, 1x HDMI 1.4, 1x DisplayPort 1.2 Phụ kiện trong hộp: Dây nguồn , cáp DisplayPort Bàn phím Đen Bàn phím cổng kết nối USB			

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Bảo hành	Số lượng	ĐVT
		Phím gõ êm, chống ồn Thích hợp cho văn phòng			
		Chuột có dây Chuẩn kết nối: USB Màu sắc: Đen			
2	Máy in	Chức năng: In Khổ giấy chi tiết: A4, Letter, B5 (JIS), A5, A5 (Long Edge), A6, Executive, Legal, Mexico Legal, India Legal, Folio, 16K (195x270 mm), A4 Short (270mm Paper), COM-10, DL, C5, Monarch Tốc độ in: A4: lên đến 48 trang/phút Letter: lên đến 50 trang/phút Bộ nhớ: 1Gb In đảo mặt: Có Khay nạp bản gốc tự động (ADF): Không Độ phân giải: 1200x1200dpi Cổng giao tiếp: USB/ LAN Dùng mực: Mực TN-3608/ TN-3608 XL/TN-3608XXL, drum DR-3608 hoặc tương đương	12 tháng	30	Chiếc
3	Máy Scan	Máy Scan (A4/A5/ Đảo mặt/ USB) Khổ giấy A4/A5 Tốc độ 30ppm/60ipm Scan hai mặt Có ADF Không Độ phân giải - Độ phân giải quang học: Lên đến 600 dpi × 600 dpi - Độ phân giải nội suy: Lên đến 1,200 dpi × 1,200 dpi Cổng giao tiếp USB Mô tả khác - Chế độ quét màu 2 mặt, Khay ADF 20 tờ - Bộ nhớ 256MB, Scan trực tiếp từ USB - Khe scan thẻ nhựa; Nút chuyển chức năng (chuyển scan A4 sang scan thẻ nhựa) - Phím chức năng có thể gán (Dễ dàng cấu hình và gán chức năng scan cho các phím chức năng trên bằng cách sử dụng iPrint&Scan desktop hoặc Remote Setup) - Cấp nguồn bằng 2 cách: Cấp USB type-C (3.2 Gen1), Adapter - Khay đỡ giấy ra (tùy chọn mua thêm) - Bộ KIT Adapter LK-1001C (tùy chọn mua	12 tháng	30	Chiếc

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Bảo hành	Số lượng	ĐVT
		thêm) - Công suất 1000 tờ/ngày			
4	Chi phí cài đặt, triển khai thiết bị			1	Gói

Ghi chú: Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, công nghệ, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương, nhà thầu phải cung cấp tài liệu kèm theo để chứng minh.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT: Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Chủ đầu tư, Bên mời thầu và Nhà thầu thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa trong các trường hợp sau:

- Hàng hóa cung cấp trước khi bàn giao.
- Khi có nghi ngờ về chất lượng hàng hóa cung cấp.
- Trước khi nghiệm thu hoàn thành.
- Đối với những hàng hóa được thay thế khi thực hiện bảo hành của nhà thầu.

Lưu ý: Khi cần thiết, chủ đầu tư có thể yêu cầu kiểm định độc lập về chất lượng hàng hóa. Mọi chi phí kiểm định sẽ do nhà thầu chịu.